

Số: 31/2020/CV-HKT

Hòa Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư EGO Việt Nam

Mã chứng khoán: HKT

Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0988 613 460

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên được soát xét năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư EGO Việt Nam và giải trình đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/8/2020 tại đường link Website của công ty: <http://www.hiteaco.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Thế Phi

Số: 32/2020/CV-HKT

2. Hòa Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2020

i. Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư EGO Việt Nam
2. Mã chứng khoán: HKT
3. Địa chỉ: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, H.Lương Sơn, T. Hòa Bình, Việt Nam
4. Nội dung: Công ty Cổ phần Đầu tư EGO Việt Nam xin giải trình về việc:
Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2/2020 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên.

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số liệu Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 2/2020	Số liệu trên BCTC bán niên đã soát xét	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.038.655.256	144.349.787.756	311.132.500
Chi phí tài chính	211.035.347	100.081.922	(110.953.425)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	217.024.830	288.779.437	71.754.607
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.058.343.624	1.408.674.942	350.331.318

Lợi nhuận sau thuế trên báo soát xét tăng so với số liệu báo cáo của công ty Do kiểm toán đề nghị bổ sung doanh thu do hạch toán thiếu và xác định lại chi phí lãi vay cá nhân trên báo cáo tài chính bán niên của công ty.

Vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư EGO Việt Nam gửi công văn giải trình để Quý Ủy ban và Quý Sở cùng các nhà đầu tư được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng giám đốc

Đặng Thế Phi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2020**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Tiểu khu 13, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

2024/01/15

1/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày phát hành báo cáo gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông: Nguyễn Hoàng Hà

Ông: Trần Hải Anh

Ông: Đặng Thế Phi

Bà: Nguyễn Thị Thắm

Ông: Nguyễn Hoài Anh

Ông: Ngô Xuân Hiến

Ông: Ngô Minh Hải

Chủ tịch

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/06/2020)

Ban Giám đốc

Ông: Đặng Thế Phi

Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Thủy

Bà Lưu Hồng Huệ

Ông Đinh Trí Dũng

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Triệu Khánh Hiến

Bà Phạm Thanh Huyền

Trưởng ban (Miễn Nhiệm ngày 18/06/2020)

Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Miễn Nhiệm ngày 18/06/2020)

Thành viên (Miễn Nhiệm ngày 18/06/2020)

Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Thế Phi - Tổng Giám đốc và Ông Nguyễn Hoàng Hà - Chủ tịch HĐQT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Thế Phi

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2020

NG
/H
/H
Y
Đ
T
T
P.
10/10/2020

Số: 1308/2020/BCSX-KTV/HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội



NGUYỄN THÀNH NAM - Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3528-2016-037-1

C.T.T.
HÀ NỘI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.671.058.552	66.283.918.529
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	554.257.303	800.812.793
1. Tiền	111		554.257.303	800.812.793
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.283.765.085	45.698.722.248
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	74.290.814.492	42.678.635.178
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	702.231.401	55.000.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	477.222.648	351.590.526
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.186.503.456)	(1.186.503.456)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	19.742.617.021	19.778.192.488
1. Hàng tồn kho	141		19.742.617.021	19.778.192.488
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90.419.143	6.191.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	36.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		54.419.143	6.191.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.215.690.110	46.932.696.934
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		628.460.500	628.460.500
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	628.460.500	628.460.500
II. Tài sản cố định	220		10.426.140.367	11.354.236.434
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	10.426.140.367	11.354.236.434
- Nguyên giá	222		23.174.296.151	23.174.296.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.748.155.784)	(11.820.059.717)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	35.000.000.000	34.950.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		35.000.000.000	34.950.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		161.089.243	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	161.089.243	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.886.748.662	113.216.615.463

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		71.130.005.953	44.868.547.696
I. Nợ ngắn hạn	310		71.130.005.953	44.868.547.696
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	67.489.697.848	41.638.536.611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	405.351.876	158.551.560
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		114.145.477	216.245.788
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.000.000	200.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		7.953.391	14.189.376
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	2.672.921.000	2.401.088.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239.936.361	239.936.361
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.756.742.709	68.348.067.767
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	69.756.742.709	68.348.067.767
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.350.290.000	61.350.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.350.290.000	61.350.290.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		287.923.633	287.923.633
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.118.529.076	6.709.854.134
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.709.854.134	6.662.859.366
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.408.674.942	46.994.768
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.886.748.662	113.216.615.463



Đặng Thế Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thị Hương
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	144.349.787.756	497.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	144.349.787.756	497.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	141.965.453.815	233.151.576
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.384.333.941	263.848.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	413.323.795	756.604.662
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	100.081.922	109.369.448
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>100.081.922</i>	<i>109.369.448</i>
8. Chi phí bán hàng	24		75.737.724	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	923.802.924	562.007.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.698.035.166	349.075.844
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	580.787	593.571.703
13. Lợi nhuận khác	40		(580.787)	(593.571.703)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.697.454.379	(244.495.859)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	288.779.437	59.342.893
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.408.674.942	(303.838.752)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	230	(50)



Đặng Thế Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thị Hương
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAMTiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn
Tỉnh Hòa Bình

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày
30 tháng 06 năm 2020**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.697.454.379	(244.495.859)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		928.096.067	952.488.159
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(413.323.795)	(756.604.662)
- Chi phí lãi vay	06		100.081.922	109.369.448
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.312.308.573	60.757.086
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.433.270.980)	20.133.297.335
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.575.467	(16.931.790.530)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		25.855.374.754	9.864.582.878
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(197.089.243)	8.779.811
- Tiền lãi vay đã trả	14		(202.182.233)	(67.053.310)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(52.428.623)	(900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.681.712.285)	12.168.573.270
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(17.375.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.800.000.000	7.528.371.508
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(35.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		35.299.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.823.795	756.604.662
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.163.323.795	(9.090.023.830)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.118.000.000	1.171.350.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(846.167.000)	(2.370.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		271.833.000	(1.198.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(246.555.490)	1.879.899.440
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		800.812.793	921.824.048
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	554.257.303	2.801.723.488



Đặng Thế Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thị Hương
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương
Phụ Trách kế toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam (được đổi tên từ Công ty CP Chè Hiệp Khánh) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số thuế 5400257584 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 24 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của công ty tại: Tiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

2. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Trồng cây hàng năm khác; Trồng cây chè; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa; Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất cà phê; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng nhà để ở; Ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào; Trồng cây điều; cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm; Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây ăn quả; Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Trồng cây mía; Trồng cây có hạt chứa dầu; rau, đậu các loại và trồng hoa; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; Khai thác thủy sản nội địa; xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Trồng lúa; Chăn nuôi khác; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và t.bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Điều hành tua du lịch; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai; Xử lý hạt giống để nhân giống; Khai thác gỗ; Nuôi trồng thủy sản biển; Sản xuất chè; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Xây dựng nhà không để ở; Đại lý du lịch; cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Chăn nuôi gia cầm; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Khai thác thủy sản biển; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất, chế biến, gia công chè; Đầu tư, trồng và phát triển cây chè.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật , kiến trúc	08 – 20
Máy móc, thiết bị	07 – 12

5. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

6. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

12. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2010 và 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo (năm 2012 đến năm 2017).

Từ năm 2016 đơn vị áp dụng thuế suất ưu đãi 17%

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAMTiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn
Tỉnh Hòa Bình

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày
30 tháng 06 năm 2020**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Tiền mặt	523.035.081	782.811.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.222.222	18.001.393
Cộng	<u>554.257.303</u>	<u>800.812.793</u>

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty TNHH Trường Vĩnh Phát	-	28.350.000.000
- Công ty TNHH Thiên Lộc Mãi	-	13.137.197.713
- Công ty TNHH Gạo Phú Hòa	34.771.460.000	-
- Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Phúc Thành Việt Nam	26.858.510.000	-
- Các khách hàng khác	12.660.844.492	1.191.437.465
Cộng	<u>74.290.814.492</u>	<u>42.678.635.178</u>

3. Nợ xấu

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
- Mr Ahmad Shad - Asah Safi LTD	532.477.281	-	532.477.281	-
- MR Raza Ahmed Kudia - Abdul sttar Shakoor Kudia Ltd.,	135.308.961	-	135.308.961	-
- Mr, Sham - Mashahir Shargh international TPT co LTD	390.670.400	-	390.670.400	-
- Các khách hàng khác	128.046.814	-	128.046.814	-
Cộng	<u>1.186.503.456</u>	<u>-</u>	<u>1.186.503.456</u>	<u>-</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty Cổ phần đầu tư DYMAN	629.616.701	-
- Các khách hàng khác	72.614.700	55.000.000
Cộng	<u>702.231.401</u>	<u>55.000.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

5. Phải thu khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	477.222.648	-	351.590.526	-
- Tạm ứng	3.402.000	-	3.402.000	-
- Lãi cho vay	343.263.954	-	343.263.954	-
- Phải thu khác	130.556.694	-	4.924.572	-
b. Dài hạn	628.460.500	-	628.460.500	-
- Phải thu khác (*)	628.460.500	-	628.460.500	-
Cộng	1.105.683.148	-	980.051.026	-

(*) Khoản chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hằng năm sau khi hết thời hạn ưu đãi miễn thuế

6. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	932.249.539	-	932.249.539	-
- Công cụ dụng cụ	513.371.600	-	513.371.600	-
- Thành phẩm	541.905.980	-	591.559.997	-
- Hàng hóa	17.755.089.902	-	17.741.011.352	-
Cộng	19.742.617.021	-	19.778.192.488	-

7. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a. Ngắn hạn	36.000.000	-
- Chi phí khác	36.000.000	-
b. Dài hạn	161.089.243	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	161.089.243	-
Cộng	197.089.243	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	11.568.934.724	11.605.361.427	23.174.296.151
Số dư cuối kỳ	11.568.934.724	11.605.361.427	23.174.296.151
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	5.062.520.682	6.757.539.035	11.820.059.717
Khấu hao trong kỳ	341.114.359	586.981.708	928.096.067
Số dư cuối kỳ	5.403.635.041	7.344.520.743	12.748.155.784
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	6.506.414.042	4.847.822.392	11.354.236.434
Tại ngày cuối kỳ	6.165.299.683	4.260.840.684	10.426.140.367

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/06/2020 là: 761.561.427 VND;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Các khoản đầu tư dài hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
* Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Vạn Cát	-	-	6.600.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phương Đức	-	-	28.350.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đại Thành Phát	35.000.000.000	-	-	-
Cộng	35.000.000.000	-	34.950.000.000	-

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2020. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Đầu tư vào công ty khác	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đại Thành Phát	Bán buôn thực phẩm.	15,86%	15,86%	Bán buôn thực phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH XNK Nông Nghiệp Phú Nông	23.202.307.500	23.202.307.500	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư và Xuất Nhập Khẩu Mặt Trời Vàng	37.937.500.000	37.937.500.000	-	-
- Công ty TNHH đầu tư Đăng Dương	2.809.933.000	2.809.933.000	12.461.000.000	12.461.000.000
- Công ty TNHH TMV TM XNK Lúa Vàng Vĩnh Long	-	-	27.750.000.000	27.750.000.000
- Khách hàng khác	3.539.957.348	3.539.957.348	1.427.536.611	1.427.536.611
Cộng	67.489.697.848	67.489.697.848	41.638.536.611	41.638.536.611
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty TNHH Một thành viên Sông Bôi	208.060.000	208.060.000	208.060.000	208.060.000
- Trần Đức Thọ	300.500.000	300.500.000	300.500.000	300.500.000
- Công ty TNHH chè Shan Trúc Thanh	327.780.000	327.780.000	327.780.000	327.780.000
- Các nhà cung cấp khác	591.196.611	591.196.611	591.196.611	591.196.611
Cộng	1.427.536.611	1.427.536.611	1.427.536.611	1.427.536.611

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu kỳ	Trong kỳ		Số phải nộp cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.757.059	288.779.437	52.428.623	350.107.873
Thuế thu nhập cá nhân	36.473.269	10.449.502	-	46.922.771
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.321.232	7.150.543	7.150.543	8.321.232
Cộng	158.551.560	306.379.482	59.579.166	405.351.876

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ông Phạm Duy	-	-	-	846.167.000	846.167.000	846.167.000
Ông Đặng Quang Thái (i)	2.033.317.000	2.033.317.000	1.118.000.000	-	915.317.000	915.317.000
Ông Nguyễn Hoàng Nam (i)	639.604.000	639.604.000	-	-	639.604.000	639.604.000
Cộng	2.672.921.000	2.672.921.000	1.118.000.000	846.167.000	2.401.088.000	2.401.088.000

Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 30/06/2020 như sau:

- (i) Các khoản vay cá nhân ngắn hạn; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: 6 – 12 tháng; Lãi suất 8%/năm; Hình thức đảm bảo: Tín chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

13. Vốn chủ sở hữu

13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC				
Số dư đầu năm	61.350.290.000	287.923.633	6.662.859.366	68.301.072.999
Lãi trong năm			46.994.768	46.994.768
Số dư cuối năm	61.350.290.000	287.923.633	6.709.854.134	68.348.067.767
KỲ NÀY				
Số dư đầu kỳ	61.350.290.000	287.923.633	6.709.854.134	68.348.067.767
Lãi trong kỳ	-	-	1.408.674.942	1.408.674.942
Số dư cuối kỳ	61.350.290.000	287.923.633	8.118.529.076	69.756.742.709

13.2. Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Đầu kỳ</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.135.029	6.135.029
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.135.029	6.135.029
Cổ phiếu phổ thông	6.135.029	6.135.029
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.135.029	6.135.029
Cổ phiếu phổ thông	6.135.029	6.135.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Doanh thu	144.349.787.756	497.000.000
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	144.349.787.756	497.000.000
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	<u>144.349.787.756</u>	<u>497.000.000</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Giá vốn hàng hóa và cung cấp dịch vụ	141.965.453.815	233.151.576
Cộng	<u>141.965.453.815</u>	<u>233.151.576</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.823.795	756.604.662
Lãi chuyển nhượng cổ phần	349.500.000	-
Cộng	<u>413.323.795</u>	<u>756.604.662</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Lãi tiền vay	100.081.922	109.369.448
Cộng	<u>100.081.922</u>	<u>109.369.448</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
a. Chi phí bán hàng	75.737.724	-
Chi phí khác bằng tiền	75.737.724	-
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	923.802.924	562.007.794
Chi phí nhân công	379.790.000	8.779.811
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.845.455	111.902.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	341.114.359
Thuế phí và lệ phí	7.150.543	23.384.350
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí mua ngoài	251.865.549	52.596.294
Chi phí khác bằng tiền	276.151.377	24.230.625
Cộng	999.540.648	562.007.794

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Thu nhập khác	-	-
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	580.787	593.571.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ sản xuất kinh doanh	-	593.571.703
Chi phí khác	580.787	-
Lợi nhuận khác	(580.787)	(593.571.703)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Lợi nhuận trước thuế	1.697.454.379	(244.495.859)
Điều chỉnh tăng	580.787	593.571.703
Chi phí không hợp lý hợp lệ khác	580.787	593.571.703
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	1.698.035.166	349.075.844
Thuế suất thuế TNDN	17%	17%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	288.665.978	59.342.893

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.408.674.942	(303.838.752)
Các khoản điều chỉnh:	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.408.674.942	(303.838.752)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	6.135.029	6.135.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	230	(50)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.845.455	188.630.627
Chi phí nhân công	379.790.000	113.252.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	928.096.067	359.685.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.865.549	52.596.294
Chi phí khác bằng tiền	359.039.644	47.614.975
Cộng	1.927.636.715	761.780.038

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

III. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	35.800.000	35.093.000

2. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Thương mại	Cho thuê nhà xưởng	Tổng cộng toàn Công ty
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	143.562.891.723	786.896.033	144.349.787.756
Giá vốn hàng bán	141.037.357.748	928.096.067	141.965.453.815
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.525.533.975	(141.200.034)	2.384.333.941
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận	62.477.727.529	10.791.336.645	83.530.451.403
Tài sản không phân bổ	-		57.356.297.259
Tổng tài sản	62.477.727.529	10.791.336.645	140.886.748.662
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả bộ phận	41.652.725.987	200.000.000	64.149.740.500
Nợ phải trả không phân bổ	-		6.980.265.453
Tổng nợ phải trả	41.652.725.987	200.000.000	71.130.005.953

Báo cáo bộ phận theo vị trí địa lý

Chỉ tiêu	Khu vực hòa bình	Miền nam	Không phân bổ	Tổng cộng toàn Công ty
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	786.896.033	143.562.891.723	-	144.349.787.756
Tài sản bộ phận	30.168.757.388	41.487.197.713	69.230.793.561	140.886.748.662
Nợ phải trả bộ phận	200.000.000	26.012.240.500	44.917.765.453	71.130.005.953

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	554.257.303	800.812.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.209.994.184	42.472.182.748
Cho vay ngắn hạn	-	3.800.000.000
Đầu tư dài hạn	35.000.000.000	34.950.000.000
	109.764.251.487	82.022.995.541
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	2.672.921.000	2.401.088.000
Phải trả người bán và phải trả khác	67.497.651.239	41.652.725.987
Chi phí phải trả	114.145.477	216.245.788
	70.284.717.716	44.270.059.775

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1. Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

3.3.2. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAMTiểu khu 3, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn
Tỉnh Hòa BìnhBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày
30 tháng 06 năm 2020**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại ngày 30/06/2020			
Các khoản vay	2.672.921.000	-	2.672.921.000
Phải trả người bán và phải trả khác	67.497.651.239	-	67.497.651.239
Chi phí phải trả	114.145.477	-	114.145.477
Cộng	70.284.717.716	-	70.284.717.716
Tại ngày 01/01/2020			
Các khoản vay	2.401.088.000	-	2.401.088.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.652.725.987	-	41.652.725.987
Chi phí phải trả	216.245.788	-	216.245.788
Cộng	44.270.059.775	-	44.270.059.775
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại ngày 30/06/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	554.257.303	-	554.257.303
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.581.533.684	628.460.500	74.209.994.184
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	74.135.790.987	35.628.460.500	109.764.251.487
Tại ngày 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	800.812.793	-	800.812.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.843.722.248	628.460.500	42.472.182.748
Đầu tư ngắn hạn	3.800.000.000	-	3.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	46.444.535.041	35.578.460.500	82.022.995.541

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét.



Đặng Thế Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thị Hương
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu

